TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP TĐ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2023/KDTM-ST
Ngày: 08-02-2023
V/v Tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TĐ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tuyết Mai;

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2022/TLST- KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2022 về "Tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 8592/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2023/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 20223 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại KT

Địa chỉ: Số MHB/S AN, Phường MB, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp:

- Ông NTK- Địa chỉ: Số 124/6 An Nhơn, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt)*

- Ông NTH*(vắng mặt)*

- Ông TTT*(có mặt)*

Cùng địa chỉ: Số SB đường KH, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B

Địa chỉ: Tầng T KPH C AP, Số M đường SHXLHN, phường AP, TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà THHG- Chức vụ: Giám đốc – Địa chỉ: ABHSM CC I AP, khu phố N, phường P, TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Công ty TNHH Thương mại KT do ông NTH là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 02/01/2020, Công ty TNHH Thương mại KT (từ đây gọi là "Công ty KT") và Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B (từ đây gọi là "Công ty B") ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 0820-HĐNT/KT về việc thỏa thuận mua bán sắt thép các loại, hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2020. Sau khi Hợp đồng số 0820 nêu trên hết hiệu lực, giữa hai Công ty không ký kết Hợp đồng mới nhưng trong thời gian từ tháng 01/2021 đến cuối tháng 11/2021 hai Công ty vẫn thống nhất tiến hành giao dịch mua bán sắt thép với nhau như một thói quen thương mại; cụ thể, ngày 02/7/2021 Công ty KT giao sắt thép cho Công ty B và tiến hành ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa số 020721/KT-01, ngày 21/8/2021 Công ty KT giao sắt thép cho Công ty B và tiến hành ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa số 21082/KT-01, ngày 30/11/2021 hai Công ty đã ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ với nội dung Công ty B còn nợ Công ty KT tổng số tiền 970.756.535đồng. Từ ngày Công ty B xác nhận công nợ nêu trên đến nay, Công ty B vẫn chưa thanh toán cho Công ty KT bất cứ khoản tiền nào. Ngày 20/6/2022, Công ty KT nộp Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty KT số tiền nợ gốc là 970.756.535đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 30/11/2021 đến ngày bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực với mức lãi suất là 10%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn là Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa tham gia tố tụng, giải quyết vụ án nhưng vẫn không đến Tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn do ông TTTlà người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc, thay đổi yêu cầu khởi kiện liên quan đến tiền lãi do chậm thanh toán, cụ thể yêu cầu bị đơn chỉ trả số tiền lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 08/02/2023 với mức lãi suất 10%/năm là 115.142.482đồng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP TĐ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 970.756.535đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 10%/năm tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 08/02/2023; án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Công ty TNHH Thương mại KT khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B trả tiền mua hàng hóa chưa thanh toán và tiền

lãi do chậm thanh toán. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là vụ án "Tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa"

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm Công ty KT nộp Đơn khởi kiện, Công ty B vẫn đăng ký trụ sở tại TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Tiến hành thủ tục triệu tập Công ty B tham gia tố tụng, giải quyết vụ án nhưng Công ty B không đến Tòa. Đối chiếu địa chỉ của Công ty B ghi tại Hợp đồng nguyên tắc số 0820-HĐNT/KT ngày 02/01/2020, tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 30/11/2021 với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Công ty B đã được Toà án tống đạt hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Căn cứ Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 30/11/2021 ghi "*Căn cứ vào tình hình thực tế mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH TM KT và Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B*" và "*tính đến hết ngày 30/11/2021 Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B còn nợ Cty TNHH TM KT số tiền là: 970.756.535đ*", nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc do mua bán hàng hóa sắt thép là 970.756.535đồng; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa để tham gia tố tụng, do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán số tiền nợ mua sắt thép 970.756.535đồng với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 08/02/2023 là 115.142.482đồng. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 306 của Luật Thương mại, lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng thương mại thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và có lợi cho bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Từ [2.1] và [2.2], tổng số tiền Công ty B phải trả cho Công ty KT là 1.085.899.017đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn Công ty B là phải chịu án phí sơ thẩm là 44.576.971đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Công ty KT không phải chịu án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại KT: Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại KT số tiền mua hàng hóa còn thiếu là 970.756.535đ (Chín trăm bảy mươi triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi lăm đồng), tiền lãi do chậm thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 08/02/2023 với mức lãi suất 10%/năm là 115.142.482đ (Một trăm mười lăm triệu một trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng), tổng cộng là 1.085.899.017đ (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu tám trăm chín mươi chín ngàn không trăm mười bảy đồng).

Việc thanh toán tiền do Công ty TNHH Thương mại KT và Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B tự thực hiện hoặc được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B là phải chịu án phí sơ thẩm là 44.576.971đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi mốt đồng). Công ty TNHH Thương mại KT được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.662.186đồng (Hai mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn một trăm tám mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0028054 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty TNHH Thương mại KT được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án.

Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh